

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚC THỌ

Số: 263 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phúc Thọ, ngày 19 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai danh sách kết quả
rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã Phúc Thọ năm 2025

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

Căn cứ Kế hoạch 264/KH-UBND ngày 28/11/2025 của UBND xã Phúc Thọ về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025;

Căn cứ các biên bản họp thôn thống nhất kết quả rà soát hộ cận nghèo trên địa bàn xã năm 2025;

UBND xã Phúc Thọ thông báo niêm yết công khai danh sách kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã năm 2025.

(Có danh sách kèm theo)

Thời gian công khai: Từ ngày 19/12/2025 đến hết ngày 23/12/2025.

Hình thức công khai: Công khai tại nhà văn hóa thôn dân cư và trên cổng thông tin điện tử của xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

Trong thời gian niêm yết công khai, các cá nhân, hộ gia đình có ý kiến, kiến nghị gửi văn bản hoặc phản ánh trực tiếp với UBND xã (giao các đồng chí Trưởng thôn tổng hợp).

Sau thời gian niêm yết công khai, nếu không có ý kiến, kiến nghị, UBND xã báo cáo UBND Thành phố kết quả rà soát và ban hành Quyết định công nhận hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2025.

Đề nghị Trưởng thôn dân cư thực hiện niêm yết công khai danh sách hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo tại nhà văn hóa và tổng hợp đơn đề nghị của cá nhân, hộ gia đình (nếu có)./.

- Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- TT VHTT & TT xã;
- Các thôn dân cư;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Hưng

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ CẬN NGHỀO ĐỊNH KỲ NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 265 /TB-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Phúc Thọ)

TT họ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
1	Đỗ Thị Bắc			Bảo vệ 1	135	20				
2	Kiều Thị Thơ			Bảo vệ 1	215		X			
3	Kiều Thị Bình			Bảo Vệ 2	165	10		X		X
4	Phan Thị Thanh			Bảo Vệ 2	170	20		X		
5	Kiều Thị Đói			Bảo Vệ 2	165	20		X		
6	Dương Thị Thanh			Phù Long 1	155	10		X		
7	Nguyễn Quốc Việt		12/15/1985	Phù Long 1	150	20		X		
8	Nguyễn Thị Liên			Phù Long 1	230					X
9	Dương Văn Tú			Phù Long 2	140	20	X			
10	Kiều Thị Mai			Phù Long 3	155	20		X		
11	Nguyễn Thị Thân			Phù Long 3	165	10		X		
12	Nguyễn Thị Bé			Phù Long 3	165	20		X		
13	Nguyễn Thị Tác			Phù Long 3	170	20		X		
14	Kiều Thị Minh			Triệu Xuyên 1	150	10		X		
15	Nguyễn Thị Thoa			Triệu Xuyên 1	170	10		X		
16	Nguyễn Thị Hằng			Triệu Xuyên 1	180	10				X
17	Nguyễn Thị Thủy			Triệu Xuyên 1	160	10		X		
18	Nguyễn Thị Chính			Triệu Xuyên 1	180					X
19	Phan Đức Ngân		07/10/1965	Triệu Xuyên 2	155	10		X		
20	Nguyễn KHắc Duẩn		06/4/1983	Triệu Xuyên 2	135	10	X			
21	Nguyễn Thị Thị			Triệu Xuyên 2	200					X
22	Vương Thị Định			Triệu Xuyên 3	200					X

TT hồ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoạt cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
23	Nguyễn Thị Diên		14/4/1974	Triều Xuyên 3	165	20		X		
24	Phan Thị Tuất		01/01/1971	Triều Xuyên 3	170	20		X		
25	Hoàng Thị Phấn		20/3/1958	Triều Xuyên 3	200				X	
26	Nguyễn Thị Tần		26/01/1965	Triều Xuyên 3	150	20		X		
27	Khướat Văn Hải		01/01/1968	Phúc Hòa 1	160	10		X		
28	Khướat Thị Thiệu		01/01/1960	Phúc Hòa 1	185	20			X	
29	Khướat Văn Thiện		28/7/1974	Phúc Hòa 1	145	10		X		
30	Kiều Văn Đức		10/6/1989	Phúc Hòa 2	165	20		X		
31	Trần Văn Hương		14/8/1981	Phúc Hòa 2	195				X	
32	Đàm Văn Khanh		20/3/1957	Phúc Hòa 2	155	10		X		
33	Nguyễn Thị Vỹ		01/01/1941	Phúc Hòa 3	170	20		X		
34	Khướat Phú Tấn		23/11/1953	Phúc Hòa 3	145	20		X		
35	Khướat Thị Hồng		22/8/1960	Phúc Hòa 4	170	10		X		
36	Khướat Thị Giang		27/5/1965	Phúc Hòa 4	245				X	
37	Nguyễn Văn Bình		04/9/1938	Phúc Hòa 4	210				X	
38	Nguyễn Mai Hương		19/10/1973	Phúc Hòa 4	180				X	
39	Nguyễn Thị Chiết		06/02/1965	Phúc Hòa 4	200				X	
40	Nguyễn Thị Hoi		08/9/1971	Phúc Hòa 5	155	10		X		
41	Khướat Thị Vân		28/02/1961	Phúc Hòa 5	105	20		X		
42	Nguyễn Thị Chính		23/03/1984	Phúc Hòa 5	210				X	
43	Nguyễn Thị Huyền		17/01/1993	Phúc Hòa 5	175	20		X		
44	Nguyễn Văn Hiến		27/06/1971	Phúc Hòa 6	170	20		X		
45	Trần Thị Dung		27/6/1965	Phúc Hòa 6	140	20		X		
46	Khướat Thị Kép		30/3/1964	Phúc Hòa 6	180	20			X	
47	Nguyễn Thị Hà		09/11/1970	Phúc Hòa 7	145	20		X		
48	Khướat Duy Hoàn		04/10/1962	Phúc Hòa 7	165	20		X		
49	Nguyễn Thị Thi		28/01/1974	Phúc Hòa 7	165	20		X		
50	Nguyễn Văn Trọng		30/11/1969	Phúc Hòa 7	220				X	
51	Khướat Thị Sâm		01/01/1956	Phúc Hòa 7	145	20		X		
52	Cần Thị To		01/01/1959	Phụng Thượng 01	170	20		X		
53	Trần Thị Sinh		01/01/1958	Phụng Thượng 01	165	20		X		

TT họ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
54	Dương Thị Khê		01/01/1955	Phụng Thượng 02	145	20				
55	Trần Văn Nhuận	01/01/1964		Phụng Thượng 02	160	20				
56	Dương Thị liên		22/06/1977	Phụng Thượng 02	165	20				
57	Nguyễn Thị Nghĩa		01/01/1954	Phụng Thượng 03	155	20				
58	Cần Thị Hải		01/01/1966	Phụng Thượng 03	170	20				
59	Cần Văn Tĩnh		1/1/1959	Phụng Thượng 04	155	20				
60	Dương Thị Cần		3/2/1961	Phụng Thượng 05	170	20				
61	Dương Thị Cần		26/07/1959	Phụng Thượng 06	170	20				
62	Cần Thị Ngân		01/01/1965	Phụng Thượng 06	150	20				
63	Đỗ Thị Lý		07/06/1965	Phụng Thượng 06	190					X
64	Đỗ Văn Hải	1954		Phụng Thượng 06	150	20				
65	Vũ Thị Cảnh		15/05/1951	Phụng Thượng 07	165	10				
66	Khuất Văn Tập	01/01/1982		Phụng Thượng 07	165	20				
67	Đỗ Thị Hồng		01/01/1962	Phụng Thượng 08	150	20				
68	Dương Văn Bảo	01/01/1938		Phụng Thượng 08	155	20				
69	Đỗ Thị Hồng		05/10/1964	Phụng Thượng 09	165	20				
70	Trần Thị Sinh		30/01/1964	Phụng Thượng 10	170	20				
71	Vũ Thị Ân		1962	Phụng Thượng 10	165	10				
72	Nguyễn Văn Tĩnh	1960		Phụng Thượng 11	155	20				
73	Lê Thị Cừu		1/1/1945	Phụng Thượng 11	145	20				
74	Hoàng Thị Phương		1960	Phụng Thượng 12	160	20				
75	Nguyễn Văn Diện	19/08/1985		Phụng Thượng 12	185					X
76	Vũ Văn Hiền	01/01/1960		Phụng Thượng 12	190					X
77	Cần Thị Thanh		19/05/1963	Phụng Thượng 13	160	20				
78	Nguyễn Thị Mỹ		1/1/1957	Phụng Thượng 13	165	20				
79	Đỗ Doãn Công	1981		Kim Lũ	160	10				
80	Đỗ Văn Dũng	1/1/1968		Kim Lũ	150	10				
81	Đỗ Anh Quân	8/9/1972		Kim Lũ	155	10				
82	Đỗ Văn Thuật	20/08/1980		Kim Lũ	195					X
83	Hoàng Thị Vĩnh		11/14/1962	Kim Lũ	145	10				
84	Nguyễn Văn Sơn	10/1/1957		Kim Lũ	150	10				

TT họ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
85	Đỗ Văn Bộ	5/7/1950		Kim Lũ	150	10				
86	Cao Văn Hiến	1/1/1960		Kim Lũ	145	10		X		
87	Lê Thái Hằng	10/6/1949		Kim Lũ	150	10			X	
88	Ngô Quốc Huy	8/6/1973		Kim Lũ	165	10			X	
89	Đỗ Thị Vinh		5/7/1964	Thu Vi	155	10			X	
90	Phạm Thị Hương		9/1/1946	Thu Vi	150	10			X	
91	Nguyễn Thị Hải		13/07/1981	Thu Vi	155	10			X	
92	Nguyễn Thị Thoa		07/03/1970	Thu Vi	160	10			X	
93	Nguyễn Văn Thông	1957		Thượng Cốc	155	10			X	
94	Nguyễn Văn Khản	1990		Thượng Cốc	155	10			X	
95	Đỗ Thị Nga		1977	Thượng Cốc	160	20			X	
96	Nguyễn Thị Sang		10/2/1966	Thượng Cốc	160	20			X	
97	Đỗ Thị Dung		23/12/1985	Thượng Cốc	155	10			X	
98	Nguyễn Văn Hải	16/02/1972		Thượng Cốc	165	10			X	
99	Nguyễn Văn Môn	27/10/1980		Thượng Cốc	160	10			X	
100	Phạm Văn Tuấn	1979		Thượng Cốc	145	10			X	
101	Đỗ Văn Tú	1/11/1991		Thượng Cốc	150	10			X	
102	Hà Thị Ngân		1961	Tích Giang 1	100	10	X			
103	Nguyễn Thị Phương		20/3/1947	Tích Giang 2	115	10	X			
104	Nguyễn Đức Kính	25/01/1958		Tích Giang 2	105	10	X			
105	Nguyễn Thị An		01/01/1945	Tích Giang 2	165	10			X	
106	Hà Đăng Tiến	12/8/1965		Tích Giang 3	190	10			X	
107	Nguyễn Thị Liên		07/4/1961	Tích Giang 3	115	10	X			
108	Nguyễn Tiến Quân	29/9/1986		Tích Giang 3	150	20			X	
109	Nguyễn Thị Lan		21/10/1966	Tích Giang 3	170	10			X	
110	Đặng Hữu Tuyên	30/12/1976		Tích Giang 4	160	10			X	
111	Hà Kim Quang	11/9/1971		Tích Giang 4	165	10			X	
112	Nguyễn Chiến Thắng	02/10/1959		Tích Giang 4	205	10			X	
113	Khuất Thị Ninh		19/02/1960	Tích Giang 5	110	10	X			
114	Nguyễn Thị Hiếu		13/9/1976	Tích Giang 5	110	10	X			
115	Nguyễn Thị Thím		01/01/1945	Tích Giang 5	160	10			X	

OK

TT hộ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
116	Khuất Quang Dương	01/12/1980		Tích Giang 5	130	10		X		
117	Khuất Thị Luyện		11/7/1975	Tích Giang 6	160	20				
118	Khuất Thị Phong		01/01/1965	Tích Giang 6						
119	Nguyễn Gia Tiến	20/12/1965		Tích Giang 6	155	20			X	thiếu
120	Kiều Thị Lam		01/12/1979	Tích Giang 6	160	20				
121	Nguyễn Thị Thu		01/01/1980	Tích Giang 6	170	20				
122	Kiều Thị Mão		01/01/1949	Tích Giang 6	155	20				
123	Khuất Thị Giáng		13/2/1986	Dum	180	20				X
124	Đỗ Thị Hải		15/07/1990	Dum	180	10				X
125	Nguyễn Thị Hương		20/12/1979	Dum	145	10				X
126	Nguyễn Thị Hòa		01/01/1967	Dum	145	10				
127	Khuất Trọng Hương	19/10/1998		Dum	145	10				
128	Vũ Đức Tiến	5/2/1988		Dum	150	10				
129	Nguyễn Thị Hơi		24/4/1983	Dum	160	20				
130	Vũ Thị Hương Giang		08/06/1964	Dum	190	0				X
131	Nguyễn Duy Ước	01/02/1943		Dum	160	20				
132	Khuất Thị Hương Giang		1982	Thôn Bướm	170	20				
133	Nguyễn Thị Nhài		1984	Thôn Bướm	170	20				
134	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1967	Thôn Bướm	165	20				
135	Khuất Văn Hùng	1969		Thôn Bướm	170					
136	Nguyễn Văn Mạnh	01/06/1964		Thôn Bướm	185					X
137	Khuất Hữu Công	17/07/1990		Thôn Bướm	165	20				X
138	Khuất Thị Lãng		22/12/1964	Thôn Bướm	155	20				
139	Hoàng Thị Phương		14/2/1985	Thôn Ô Thôn	195					X
140	Nguyễn Thị Dung		01/01/1968	Thôn Ô Thôn	245					X
141	Khuất Hoàng Vinh	5/9/1984		Thôn Ô Thôn	190					X
142	Nguyễn Thị Phương Mai		5/11/2001	Thôn Ô Thôn	190					X
143	Kiều Trí Triển	12/9/1992		Thôn Ô Thôn	135	10		X		
144	Nguyễn Thị Hồng		18/06/1953	Thôn Ô Thôn	175					X
145	Nguyễn Thị Bách		22/10/1953	Thượng Lộc	200					X
146	Nguyễn Thị Hòa		01/01/1969	Thượng Lộc	150	20				X

TT họ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
147	Vũ Đức Mậu	1948		Thượng Lộc	140	20		X		
148	Kiều Chí Chúc	9/7/1957		Thượng Lộc	145	20		X		
149	Khướat Thị Thìn		10/07/1988	Thượng Lộc	165	20		X		
150	Nguyễn Thị Nghệ		21/05/1965	Thượng Lộc	180				X	
151	Kiều Trí Hải	1974		Trung Nam Lộc	160	20			X	
152	Nguyễn Đình Quyền	1980		Trung Nam Lộc	140	20		X		
153	Kiều Thị Hiền		09/04/1967	Trung Nam Lộc	165	20		X		
154	Nguyễn Đình Yên	17/10/1960		Trung Nam Lộc	160	20			X	
155	Nguyễn Thị Ôn		08/1956	Mỹ Giang	115	10		X		
156	Hà Thị An		09/07/1989	Mỹ Giang	190				X	
157	Nguyễn Văn Vương	01/01/1967		Thần Mỹ	165	20		X		
158	Nguyễn Văn Thoát	01/01/1971		Thần Mỹ	170	20		X		
159	Nguyễn Khắc Tâm	14/4/1970		Trạch Lôi	165	10		X		
160	Hoàng Văn Bày	01/01/1964		Trạch Lôi	155	10		X		
161	Nguyễn Khắc Thích	31/03/1963		Trạch Lôi	155	10		X		
162	Hà Thị Hoa		15/04/1950	Trạch Lôi	160	10		X		
163	Nguyễn Thị Hiền		15/05/1981	Trạch Lôi	165	10		X		
164	Vũ Văn Cầm	01/01/1936		Trạch Lôi	150	10		X		
165	Nguyễn Đình Thắng	12/05/1990		Trạch Lôi	165	10		X		
166	Nguyễn Đình Ngạch	02/01/1949		Trạch Lôi					X	Đã chết
167	Khướat Thị Lan		24/08/1983	Tuy Lộc	195				X	
168	Nguyễn Thị Đào		01/01/1954	Tuy Lộc	140	10		X		
169	Đỗ Văn Thông	02/04/1960		Tuy Lộc	160	10		X		
170	Khướat Duy Toàn	12/12/1985		Vân Lôi	130	20	X			
171	Nguyễn Thị Hiền		16/11/1965	Thôn 1	170	10		X		
172	Vũ Thị Minh		08/10/1965	Thôn 1	200	10			X	
173	Tô Văn Thêm	02/09/1971		Thôn 1	170	10		X		
174	Khướat Văn Bình	17/07/1986		Thôn 1	160	10		X		
175	Khướat Thị Lan		30/01/1971	Thôn 1	155	10		X		
176	Tô Thị Hơi		14/01/1965	Thôn 1	170	10		X		
177	Kiều Văn Huỳnh	09/02/1962		Thôn 1	170	10		X		

TT họ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
209	Khuất Thị Thái		15/07/1975	Thôn 4	185				X	
210	Kiều Thị Thủy		4/4/1984	Thôn 5	170	10		X		
211	Khuất Thị Vinh		1/1/1960	Thôn 5	165	10		X		
212	Nguyễn Thị Hoa		1970	Thôn 5	170	10		X		
213	Vũ Văn Hùng		10/9/1968	Thôn 5	225				X	
214	Nguyễn Thị Bay		15/3/1965	Thôn 5	180				X	
215	Nguyễn Mạnh Tiến		5/8/1990	Thôn 5	165	10		X		
216	Nguyễn Văn Bình		27/7/1959	Thôn 5	155	20		X		
217	Nguyễn Thị Vĩnh		2/7/1960	Thôn 5	165	10		X		
218	Nguyễn Văn Đức		3/6/1975	Thôn 5	165	20		X		
219	Vũ Thanh Trang		21/1/1985	Thôn 5	170	10		X		
220	Đình Thị Thu		20/06/1976	Thôn 5	165	10		X		
221	Đỗ Thị Thắng		25/03/1957	Thôn 5	170	10		X		
222	Nguyễn Lê Giang		06/07/1992	Thôn 5	165	10		X		
223	Đình Thị Phương		12/29/1981	Thôn 5	170	10		X		
224	Vũ Quang Thọ		18/05/1988	Thôn 5	170	10		X		
225	Nguyễn Văn Hùng		13/09/1968	Thôn 6	190				X	
226	Khuất Thị Bé		2/1/1956	Thôn 6	195				X	
227	Nguyễn Đình Phách		01/07/1960	Thôn 6	190				X	
228	Kiều Thị Lai		18/07/1959	Thôn 6	175				X	
229	Nguyễn Đình Chiến		5/5/1975	Thôn 6	210				X	
230	Nguyễn Văn Quyền		19/03/1976	Thôn 6	195				X	
231	Vũ Thị Hồng		19/8/1986	Thôn 6	230				X	
232	Khuất Thị Tuyết		04/07/1987	Thôn 6	200				X	
233	Đình Thị Hiền		12/6/1977	Thôn 6	180				X	
234	Phạm Đình Bình		8/8/1975	Thôn 6	195				X	
235	Nguyễn Thị Hoa		20/04/1978	Thôn 6	190				X	
236	Nguyễn Thị Chín		5/6/1977	Thôn 6	160	10		X		
237	Nguyễn Thị Huệ		1/1/1954	Thôn 6	165	10		X		
238	Vũ Thị Loan		19/05/1956	Thôn 6	205				X	
239	Vũ Thị Hương		10/09/1976	Thôn 6	165	10		X		

TT họ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghề	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghề TW	Cận nghề thành phố		
178	Kiều Văn Phi	01/01/1951		Thôn 1	180				X	
179	Tô Xuân Phú	27/08/1981		Thôn 1	165	10		X		
180	Kiều Đức Thân	14/01/1968		Thôn 1	170	10		X		
181	Kiều Văn Đức	21/12/1982		Thôn 1	165	10		X		
182	Tô Thị Sen		20/10/1985	Thôn 1	170	20		X		
183	Kiều Thị Nhất		04/09/1984	Thôn 1	160	20		X		
184	Kiều Thị Phương		01/01/1983	Thôn 1	185				X	
185	Đỗ Thị Minh		02/07/1991	Thôn 1	160	10		X		
186	Khuất Thị Ngọc		19/05/1960	Thôn 1	165	10		X		
187	Nguyễn Thị Quyên		23/02/1989	Thôn 1	160	10		X		
188	Khuất Duy Khánh	15/3/1974		Thôn 1	145	10		X		
189	Nguyễn Thị Thắm		28/05/1991	Thôn 1	165	10		X		
190	Nguyễn Văn Bằng	29/01/1968		Thôn 1	170	10		X		
191	Khuất Thị Tinh		02/03/1981	Thôn 2	180	10			X	
192	Nguyễn Quang Linh	30/9/1990		Thôn 2	155	20		X		
193	Nguyễn Thị Hằng		14/4/1957	Thôn 2	165	10		X		
194	Phạm Văn Hương	28/3/1986		Thôn 2	135	20		X		
195	Khuất Văn Khai	23/07/1973		Thôn 3	155	20		X		
196	Nguyễn Thị Thu		05/08/1955	Thôn 3	150	20		X		
197	Nguyễn Thị Nở		2/6/1945	Thôn 3	160	20		X		
198	Đặng Thị Liên		20/07/1953	Thôn 3	185	20			X	
199	Nguyễn Văn Hoài	7/6/1989		Thôn 3	190	10			X	
200	Nguyễn Thị Mơ		1/1/1956	Thôn 3	195	20			X	
201	Tô Thị Liêm		09/06/1953	Thôn 3	160	20		X		
202	Nguyễn Thị Hồng Vân		20/06/1984	Thôn 3	160	20		X		
203	Đinh Văn Trung	13/01/1978		Thôn 4	155	10		X		
204	Khuất T. Lục Phương		3/2/1974	Thôn 4	180			X		
205	Đinh Văn Khuông	10/3/1982		Thôn 4	165	20		X		
206	Đinh Công Minh	02/09/1979		Thôn 4	205				X	
207	Phạm Văn Phương	16/6/1972		Thôn 4	265				X	
208	Đinh Văn Thương	11/10/1974		Thôn 4	225				X	

ok

TT hộ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thôn (tổ)	Kết quả rà soát phiếu B		Phân loại		Thoát cận nghèo	Ghi chú
		Nam	Nữ		Điểm B1	Điểm B2	Cận nghèo TW	Cận nghèo thành phố		
240	Khuất Mạnh Cường	09/01/1969		Thôn 6	210		13	160	X	
Tổng cộng										

T.P. H.A.